TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST Ngày: 11-8-2022 V/v tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị P, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 13, ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Danh L, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 54, Tổ 14, ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 27/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị P trình bày: Chị và anh Danh L lấy nhau do tự tìm hiểu, yêu thương nhau và được gia đình hai bên cho tổ chức đám cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/7/2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc và anh chị có 01 con chung là cháu Danh Hạo Khang, sinh ngày 07/3/2011. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, dẫn đến anh chị sống ly thân từ năm 2017 cho tới nay. Nay chị P nhận thấy không còn tình cảm với anh L, không thể hàn gắn và sống chung với nhau được nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L. Về con chung, từ khi anh chị sống ly thân, cháu Khang ở với chị nên khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp

tục nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống anh chị không tạo dựng được tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh L trình bày: Anh, chị chung sống từ năm 2010, giữa anh chị không còn tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2017 và không còn liên lạc với nhau. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý, đồng thời thống nhất giao con là Danh Hạo Khang cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị P, anh L, nhưng anh, chị vắng mặt tại phiên và có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh L chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/7/2011, dó đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa chị P và anh L thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, dẫn đến sau một thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, từ năm 2017 đến nay anh chị sống ly thân và không còn liên lạc với nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị P về việc cho chị ly hôn với anh L.

[4] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, anh chị có 01 con chung là cháu Danh Hạo Khang, sinh ngày 07/3/2011. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu Khang sống với chị P, chị P vẫn đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dạy con, nay chị P có nguyện vọng muốn nuôi con và được anh L đồng ý, do đó Hội đồng xét xử xét nên cháu Khang cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L có ý kiến việc con giao cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con và bản thân chị P cũng tự nguyện nhận nuôi con không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh L không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị P yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, khoản 1 và khoản 2, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Thị P ly hôn với anh Danh L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Danh Hạo Khang, sinh ngày 07/3/2011 cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Khang đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị P cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh L xác nhận quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị P đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008031 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị P đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Mai